BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG THEO MÔ HÌNH TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2025

Trách nhiệm biên tập:

1. PGS.TS. Lê Quốc Thanh
2. TS. Nguyễn Đức Hải
3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nhóm biên soạn:

1. TS. Vũ Thị Bích Thuận (Chủ biên)
2. ThS. Tạ Thị Thắm
3. ThS. Tạ Thị Ngọc Hà

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 4

LỜI GIỚI THIỆU 5

Phần I. CƠ SỞ PHÁP LÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG 7

Phần II. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG 11

2.1. Khái niệm và vai trò của khuyến nông 12
2.2. Mục tiêu của khuyến nông 14
2.3. Nguyên tắc hoạt động khuyến nông 15
2.4. Đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp 16
2.5. Phương thức hoạt động khuyến nông 17
2.6. Hình thức hoạt động khuyến nông 18
2.7. Định hướng phát triển khuyến nông 19
2.8. Nhiệm vụ và giải pháp 23
2.9. Các dự án khuyến nông ưu tiên giai đoạn 2026 - 2030 24

Phần III. HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG THEO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP VÀ NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG 25

3.1. Hệ thống khuyến nông theo chính quyền địa phương 2 cấp 27
3.2. Người làm công tác khuyến nông 30
3.3. Trách nhiệm thực hiệnnhiệm vụ khuyến nông 38

Phần IV. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤVÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG CẤP TỈNH, CẤP XÃ 39

4.1. Chức năng, nhiệm vụ vÀ quyền hạn của Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh 40
4.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã 42
4.3. Cơ chế phối hợp công tác khuyến nông các cấp 46

Phần V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 55

PHỤ LỤC 62

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Chú giải
BCĐ	Ban chỉ đạo
BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
HĐND	Hội đồng nhân dân
KHCN	Khoa học công nghệ
KNCĐ	Khuyến nông cộng đồng
UBND	Ủy ban nhân dân

LỜI GIỚI THIỆU

Công tác khuyến nông thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, hỗ trợ nông dân nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, từng bước chuyển đổi cơ trồng cây trồng, vật nuôi theo hướng hiệu quả và bền vững. Nhiều mô hình khuyến khích phát triển gắn với cơ sở nông nghiệp tái sinh, xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao năng suất, chất lượng và thu nhập cho nông dân.

Tuy nhiên, tổ chức khuyến nông ở một số địa phương chưa ổn định, còn chồng chéo chức năng, nguồn lực cho khuyến nông còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, sản xuất nông nghiệp hiện đại và hội nhập nhất là trong bối cảnh sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Căn cứ Công văn số 145/CV-BCĐ ngày 08/10/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp các đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp về việc kiện toàn hệ thống tổ chức thực hiện nhiệm vụ khuyến nông ở địa phương, ngày 14/10/2025 Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã. Việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và phương thức triển khai hoạt động khuyến nông tại cơ sở trở nên đặc biệt cần thiết nhằm bảo đảm tính thống nhất, thông suốt và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành.

Hoạt động khuyến nông giữ vai trò quan trọng trong việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, xây dựng mô hình kinh tế nông nghiệp bền vững, góp phần thực hiện các mục tiêu xoá đói giảm nghèo, hiện đại hoá nông nghiệp, hướng tới phát triển bền vững và xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, sự thay đổi về mô hình tổ chức, phân cấp, phân quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn đặt ra yêu cầu phải có tài liệu hướng dẫn cụ thể, dễ áp dụng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Vì vậy, tài liệu "Hướng dẫn triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ khuyến nông theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp" được biên soạn nhằm cung cấp cơ sở lý luận, khung pháp lý, nội dung nghiệp vụ và quy trình triển khai thống nhất, giúp đội ngũ cán bộ khuyến nông, cơ quan quản lý và chính quyền địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả, đồng bộ và đúng quy định.

Tài liệu được thiết kế cho các cơ quan, đơn vị trong hệ thống khuyến nông các cấp và các đơn vị trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ khuyến nông nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức và người làm công tác khuyến nông các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới và chính quyền địa phương 2 cấp.



MỤC TIÊU CỦA TÀI LIỆU

Tài liệu "Hướng dẫn triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ khuyến nông theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp" được biên soạn nhằm cung cấp cơ sở lý luận, khung pháp lý, nội dung nghiệp vụ và quy trình triển khai thống nhất, giúp đội ngũ cán bộ khuyến nông, cơ quan quản lý và chính quyền địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả, đồng bộ và đúng quy định.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG



Tài liệu được thiết kế cho các cơ quan, đơn vị trong hệ thống khuyến nông các cấp và các đơn vị trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ khuyến nông nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức và người làm công tác khuyến nông các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới và chính quyền địa phương 2 cấp.

Phần I
CƠ SỞ PHÁP LÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG

- Hệ thống văn bản chỉ đạo của BCH Trung ương Đảng; Chính phủ về chính quyền địa phương 2 cấp và khuyến nông
- Hệ thống văn bản liên quan đến chính quyền địa phương 2 cấp
- Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
- Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phân quyền, phân cấp
- Hệ thống văn bản liên quan đến hệ thống khuyến nông theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp



Thông báo số 371-TB/VPTW, ngày 4/10/2025
(Thông báo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến nông ở địa phương khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp)

Nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống của nhân dân theo đúng tinh thần "nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế".

Xác định công tác khuyến nông là nhiệm vụ quan trọng của chính quyền cấp xã, khuyến nông phải gắn với cơ sở, gắn với đồng ruộng.

Cấp tỉnh, thành phố duy trì các Trung tâm khuyến nông, chủ yếu làm nhiệm vụ hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, kiểm tra và hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông. Không tổ chức các Trạm khuyến nông khu vực, liên xã.

Cấp xã thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện dịch vụ công cơ bản thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó có chức năng, nhiệm vụ khuyến nông

Cấp ủy, chính quyền cấp xã phải quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác khuyến nông, không "khoán trắng" cho đơn vị sự nghiệp công lập.



- Thông báo số 371-TB/VPTW của Ban chấp hành Trung ương Đảng ngày 04/10/2025 về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Bộ Nội vụ về hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến nông ở địa phương khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp;
- Công văn số 145/CV-BCĐ ngày 08/10/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp các đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp về việc kiện toàn hệ thống tổ chức thực hiện nhiệm vụ khuyến nông ở địa phương;
- Công văn số 20/CV-BCĐ ngày 17/10/2025 của Ban Chỉ đạo về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã;
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;
- Quyết định số 5858/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
- Quyết định số 4296/QĐ-BNNMT ngày 16/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 2166/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy chế quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên;
- Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Đề án "Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ Khuyến nông cộng đồng";
- Quyết định số 2318/QĐ-BNN-KHCN ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giao nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên thực hiện năm 2025;

- Thông tư số 18/2020/TT BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng;
- Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;
- Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;
- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã.
- Công văn số 10120/BNNMT-KN ngày 09/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn nội dung quy chế phối hợp công tác khuyến nông.

Phần II

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

2.1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA KHUYẾN NÔNG

Khuyến nông là hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, thông tin, truyền bá kiến thức và đào tạo tay nghề cho nông dân trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

Khuyến nông có vai trò hướng dẫn áp dụng tốt kỹ thuật và dịch vụ sản xuất, kinh doanh đáp ứng được nhu cầu của từng gia đình nông dân, cộng đồng và xã hội, từ đó hỗ trợ nông dân nâng cao kiến thức, cung cấp thông tin về kinh tế, kỹ thuật, tổ chức, quản lý và các dịch vụ nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân và phát triển nông nghiệp, nông thôn.





Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng chống thiên tai; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thuỷ văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về khuyến nông như sau:



Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về hoạt động khuyến nông;

Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến nông trung ương;

Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách về xã hội hóa các hoạt động khuyến nông và chính sách hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến nông.

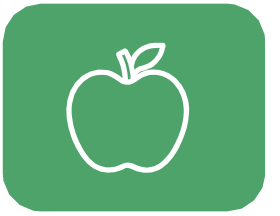




2.2. MỤC TIÊU CỦA KHUYẾN NÔNG

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân để tăng thu nhập, giảm nghèo, làm giàu, thích ứng với các điều kiện sinh thái, khí hậu và thị trường thông qua các nội dung, hình thức, phương thức hoạt động khuyến nông.
- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; thúc đẩy tiến trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; tăng cường khả năng chống chịu thiên tai; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, ổn định kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.
- Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.







2.3. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG



- Xuất phát từ nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển nông nghiệp của Nhà nước.
- Phát huy vai trò chủ động, tích cực, tự nguyện và trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khuyến nông.
- Dân chủ, công khai, có sự giám sát của cộng đồng và sự quản lý của Nhà nước.
- Nội dung, hình thức, phương thức hoạt động khuyến nông phù hợp với từng địa bàn và nhóm đối tượng người sản xuất, cộng đồng dân tộc khác nhau.
- Tiến bộ kỹ thuật, công nghệ chuyển giao phải được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc chấp thuận.
- Liên kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, cơ sở nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp với nông dân và giữa nông dân với nông dân.
- Xã hội hóa hoạt động khuyến nông, đa dạng hóa dịch vụ khuyến nông để huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động khuyến nông.
- Ưu tiên hoạt động khuyến nông ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn.
- Ưu tiên phụ nữ, người dân tộc thiểu số; tổ chức có tỷ lệ cao về nữ hoặc người dân tộc thiểu số tham gia hoạt động khuyến nông.







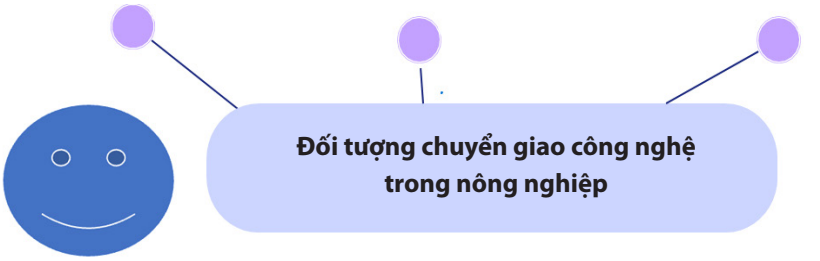
2.4. ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN GIAO VÀ ĐỐI TƯỢNG NHẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG NÔNG NGHIỆP

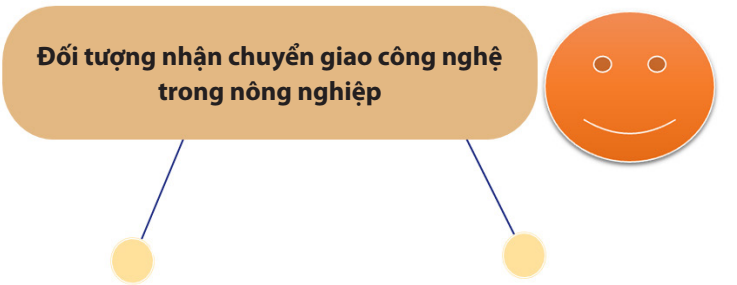


Tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống tổ chức khuyến nông Nhà nước chuyên trách do cấp có thẩm quyền thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội nghề nghiệp và tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài nước có tham gia hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.





Nông dân, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Tổ liên kết, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.5. PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

01

Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

Tập huấn về kỹ thuật sản xuất, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp, bồi dưỡng kiến thức về chính sách, pháp luật, thị trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại...

02

Thông tin tuyên truyền

Quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp và hoạt động khuyến nông; thị trường, giá cả nông sản, vật tư nông nghiệp, lịch nông vụ, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại....

03

Xây dựng và nhân rộng mô hình

Mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu của sản xuất và định hướng phát triển của ngành...

04

Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

Chính sách và pháp luật; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp; xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp; giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y....

05

Hợp tác quốc tế về khuyến nông

Trao đổi kinh nghiệm khuyến nông và khoa học công nghệ với các tổ chức, chuyên gia quốc tế; các chương trình hợp tác quốc tế và chương trình khảo sát học tập nước ngoài...

2.6. HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG



1. Hình thức hoạt động khuyến nông, hình thức đặc thù chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp ở trung ương, bao gồm:



- Chương trình khuyến nông trung ương (từ 5 đến 10 năm);
- Kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên (hàng năm);
- Chương trình, kế hoạch chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt.

2. Hình thức hoạt động khuyến nông, hình thức đặc thù chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp ở địa phương, bao gồm:

- Chương trình khuyến nông địa phương (từ 3 đến 5 năm);
- Kế hoạch khuyến nông địa phương (hàng năm);
- Chương trình, kế hoạch chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt.



Các hình thức hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.7. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHUYẾN NÔNG

Theo Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (ban hành tại Quyết định số 4298/QĐ-BNNMT ngày 16/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

Quan điểm

- Khuyến nông giữ vai trò quan trọng trong công tác chuyển giao công nghệ, thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức, đào tạo, tri thức hoá nông dân, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, giảm phát thải, xây dựng nông thôn mới hiện đại, văn minh, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân.
- Đổi mới toàn diện công tác khuyến nông theo tư duy kinh tế nông nghiệp, lấy nông dân làm chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển, nâng cao năng lực của nông dân và các tác nhân trong chuỗi ngành hàng nông nghiệp; mở rộng nội dung hoạt động từ chuyển giao khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất là chính sang cung cấp thông tin, hướng dẫn kỹ năng, tổ chức sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả.
- Phát triển khuyến nông theo hướng chuyên nghiệp, trong đó khuyến nông nhà nước giữ vai trò trung tâm, định hướng hoạt động, huy động nguồn lực và kết nối các bên tham gia; đẩy mạnh xã hội hoá và hợp tác công tư, tăng cường sự tham gia của các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan tham gia vào hệ sinh thái khuyến nông.





Mục tiêu chung

- Phát triển khuyến nông theo tư duy kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường, tổ chức SXKD nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân.
- Khuyến nông là hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, thông tin, truyền bá kiến thức và đào tạo tay nghề cho nông dân nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- **Phát triển nguồn nhân lực khuyến nông:** 100% cán bộ khuyến nông nhà nước được chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp, được đào tạo bồi dưỡng; 100% cán bộ của hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tổ khuyến nông cộng đồng được đào tạo, bồi dưỡng.
- **Đào tạo nông dân chuyên nghiệp:** 100% nông dân tham gia chuỗi liên kết ở các vùng nguyên liệu được đào tạo về quy trình, kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, tổ chức sản xuất và liên kết thị trường.
- **Chuyển giao công nghệ:** Các mô hình, dự án khuyến nông đảm bảo 100% sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; tăng hiệu quả kinh tế trên 15%, giảm chi phí đầu vào trên 10% và được nhân rộng trong các chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực.
- **Khuyến nông giảm nghèo:** Trên 70% xã ở vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn xây dựng được mô hình khuyến nông giảm nghèo tạo sinh kế ổn định, bền vững cho nông dân nghèo.
- **Chuyển đổi số hoạt động khuyến nông:** 100% mô hình khuyến nông sử dụng NSNN được quản lý trên hệ thống khuyến nông số; trên 50% lớp tập huấn được triển khai trên nền tảng khuyến nông số; 100% tài liệu được số hóa, phổ biến trên hệ thống khuyến nông số; 100% sản phẩm của mô hình, dự án khuyến nông được giới thiệu, quảng bá trên các sàn thương mại điện tử hoặc môi trường số.
- **Xã hội hoá hoạt động khuyến nông:** 100% tài liệu khuyến nông có sự tham gia biên soạn của các viện, trường, chuyên gia, doanh nghiệp; trên 50% mô hình, dự án khuyến nông có sự huy động nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế cho hoạt động khuyến nông thông qua các chương trình, dự án hợp tác công tư, tài trợ kỹ thuật, dự án liên kết.



Xây dựng hệ thống khuyến nông chuyên nghiệp, hiện đại, thông minh, đủ năng lực kết nối, dẫn dắt, lan tỏa tri thức và giá trị trong hệ sinh thái nông nghiệp. Nông dân được tiếp cận hiệu quả với dịch vụ khuyến nông thông qua nền tảng số tích hợp và đội ngũ cán bộ khuyến nông chuyên nghiệp, trình độ cao. Phát triển hệ sinh thái khuyến nông hợp tác công tư năng động, kết nối chặt chẽ với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thị trường và nguồn lực tài chính, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển nông nghiệp tăng trưởng xanh, phát thải thấp, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.

Tầm nhìn đến năm 2050

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHUYẾN NÔNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Khuyến nông dịch chuyển từ mô hình "khuyến nông kỹ thuật" sang "khuyến nông đa giá trị"





Khuyến nông gắn với:

- **Kinh tế nông nghiệp,**
- **Kinh tế tuần hoàn,**
- **Kinh tế xanh, kinh tế số**

Khuyến nông không chỉ truyền đạt kỹ thuật mà trở thành lực lượng dẫn dắt nông dân xây dựng mô hình sản xuất mới, thích ứng với yêu cầu hội nhập sâu, cạnh tranh cao và tiêu chuẩn ngày càng khắt khe của thị trường trong nước, quốc tế.



2.8. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển khuyến nông

2. Phát triển nguồn nhân lực khuyến nông

3. Đào tạo nông dân chuyên nghiệp

4. Chuyển giao, ứng dụng KHCN tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững

5. Khuyến nông giảm nghèo, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

6. Chuyển đổi số trong hoạt động khuyến nông

7. Hợp tác quốc tế, hợp tác công tư, xã hội hoá khuyến nông

2.9. CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Tăng cường năng lực hệ thống khuyến nông



Đào tạo nông dân chuyên nghiệp.

Chuyển giao công nghệ, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực ở các vùng nguyên liệu.

Khuyến nông giảm nghèo ở các vùng khó khăn.

Phát triển nền tảng khuyến nông số và hạ tầng công nghệ số.

Xã hội hóa hoạt động khuyến nông.

Phần III

HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG THEO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP VÀ NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG

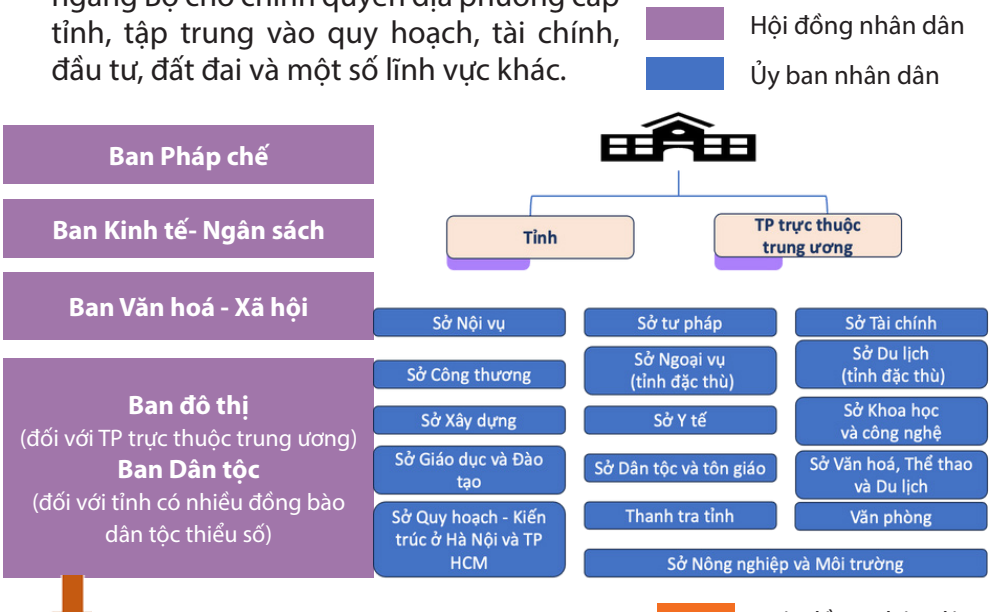


MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

CẤP TỈNH

Nhiệm vụ, quyền hạn:

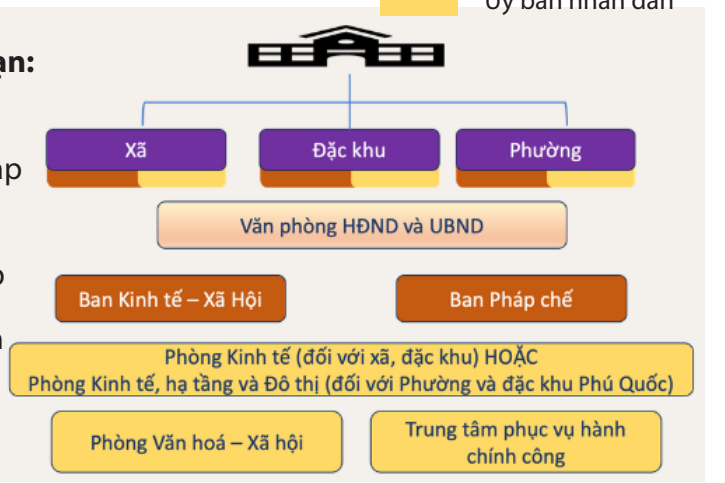
- Thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, có hiệu lực từ 07/7/2025)
- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ cho chính quyền địa phương cấp tỉnh, tập trung vào quy hoạch, tài chính, đầu tư, đất đai và một số lĩnh vực khác.



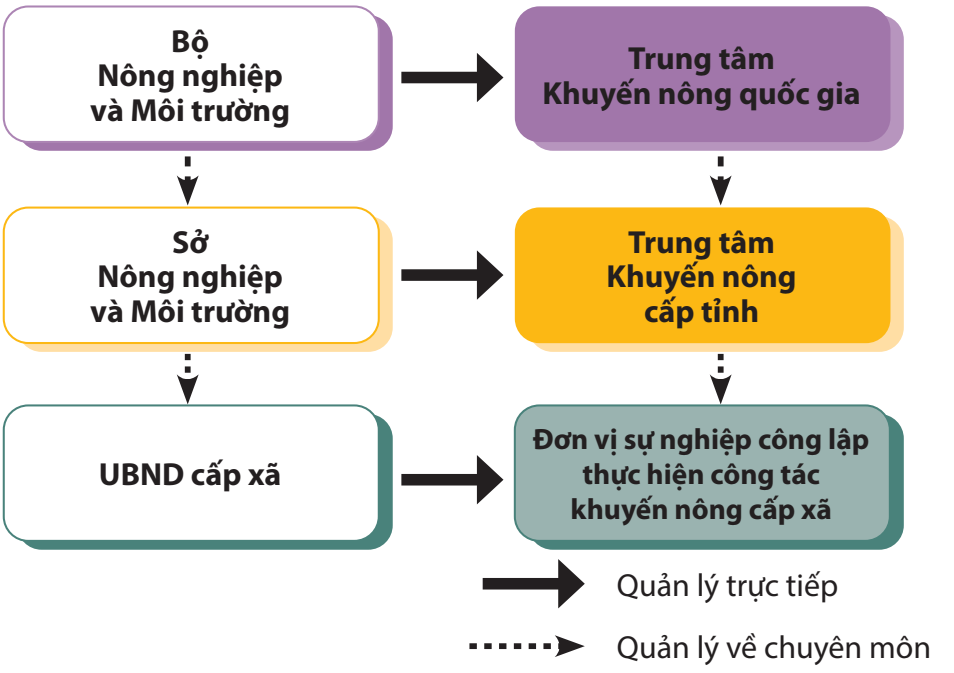
CẤP XÃ

Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tiếp nhận một số nhiệm vụ từ cấp huyện sau sáp nhập
- Thực hiện theo chính sách từ cấp Trung ương và cấp tỉnh ban hành, giải quyết các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu.



3.1. HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG THEO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP



Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ quản lý nhà nước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, có chức năng tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn cấp tỉnh và hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông theo quy định của pháp luật;

Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cung ứng các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu thuộc UBND xã, phường, đặc khu, được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp khuyến nông ở cấp xã đối với các xã, phường, đặc khu có sản xuất nông nghiệp. Kinh phí hoạt động của khuyến nông cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật.



HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG THEO MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

01.

Sắp xếp, kiện toàn tổ chức Khuyến nông:

là "cuộc cách mạng" về tư duy, cách làm và mô hình phục vụ nông dân, tạo nên hành trang mới, khí thế mới để khuyến nông bước vào "Kỷ nguyên vươn mình, giàu mạnh, văn minh, phồn vinh, thịnh vượng" của đất nước.





Sứ mệnh của Khuyến nông:

vừa là lực lượng nòng cốt của chính quyền cơ sở trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, vừa là hạt nhân tri thức hóa nông dân, dẫn dắt kinh tế nông nghiệp đa giá trị, sinh thái, hiện đại.

02.

03.

Người làm công tác khuyến nông:

chuẩn hóa nguồn nhân lực khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng, cộng tác viên khuyến nông, đồng thời bồi dưỡng kiến thức về kinh tế, thị trường, chuyển đổi số để sẵn sàng dẫn dắt nông dân trong thời kỳ mới.





Yêu cầu:

hoạt động khuyến nông phải bám địa bàn, bám hộ, bám tổ nhóm sản xuất; hỗ trợ trực tiếp người dân trong phát triển sản xuất hàng hóa, chuyển đổi sinh kế, tiếp cận thị trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Khuyến nông không chỉ "đi cơ sở" mà thực sự "thuộc về cơ sở".

04.

6 VAI TRÒ TRỌNG TÂM CỦA KHUYẾN NÔNG

01. Cầu nối kinh tế - thị trường

Hỗ trợ nông dân sản xuất theo nhu cầu thị trường, tham gia chuỗi giá trị, nâng cao năng lực thương lượng, giảm lệ thuộc thương lái nhỏ lẻ.

02. Cầu nối chính sách

Truyền tải kịp thời, dễ hiểu các chủ trương, chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước; tư vấn để nông dân và hợp tác xã tiếp cận được chính sách tín dụng, đất đai, bảo hiểm, xúc tiến thương mại.

03. Cầu nối giảm nghèo bền vững

Thiết kế mô hình sinh kế phù hợp với từng vùng khó khăn, hỗ trợ nhóm yếu thế, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

04. Cầu nối cộng đồng

Góp phần củng cố, gắn kết xã hội, xây dựng nông thôn mới văn minh, an toàn, giàu bản sắc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

05. Cầu nối môi trường sinh thái

Hướng dẫn chuyển đổi sản xuất theo hướng nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, giảm phát thải, bảo vệ tài nguyên đất, nước, đa dạng sinh học.

06. Cầu nối khuyến nông số

Đưa nông dân tiếp cận nền tảng số, truy xuất nguồn gốc, dữ liệu thị trường, học tập trực tuyến, nâng cao năng lực số.

3.2. NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG

Viên chức khuyến nông



Tổ khuyến nông cộng đồng



Cộng tác viên khuyến nông



Viên chức Khuyến nông

Tiêu chuẩn viên chức khuyến nông được quy định tại Thông tư số 18/2020/TT BNNPTNT ngày 28/ 12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng và Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư, thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.



Khuyến nông viên chính
- Mã số: V.03.09.25

Khuyến nông viên
- Mã số: V.03.09.26

Kỹ thuật viên khuyến nông
- Mã số: V.03.09.27

Viên chức khuyến nông cấp xã:

- Cấp xã có sản xuất nông lâm ngư nghiệp từ 2 - 3 viên chức chuyên trách khuyến nông công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến nông.
- Bảo đảm ít nhất mỗi xã có 5 - 6 cán bộ, công chức, viên chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực khuyến nông; không tăng tổng số biên chế viên chức khuyến nông.

Viên chức Khuyến nông

Tiêu chuẩn viên chức khuyến nông được quy định tại Thông tư số 18/2020/TT BNNPTNT ngày 28/ 12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng và Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư, thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.



Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

1. Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.
2. Tâm huyết với nghề, tích cực, trung thực, khách quan thực hiện hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, thông tin, phổ biến kiến thức và đào tạo nghề cho nông dân nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, bảo vệ môi trường nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.
3. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng quy chế, nội quy của đơn vị, của ngành.
4. Có tinh thần đoàn kết, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.
5. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Khuyến nông viên chính - Mã số: V.03.09.25

1. Nhiệm vụ

- Đề xuất, xây dựng hoặc tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch, dự án, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông, chương trình, kế hoạch chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; tham gia xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về khuyến nông.
- Chủ trì xây dựng các văn bản, tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về khuyến nông; báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động khuyến nông.
- Chủ trì hoặc tham gia triển khai thực hiện các dự án, kế hoạch, nhiệm vụ về khuyến nông (đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình, tư vấn và dịch vụ về khuyến nông).
- Tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về khuyến nông.
- Tham gia kiểm tra, đánh giá hoạt động về khuyến nông.
- Theo dõi, phụ trách hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo địa bàn, lĩnh vực được phân công.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo đơn vị phân công theo quy định pháp luật.



2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về khuyến nông.
- Nắm vững kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông liên quan đến vị trí việc làm.
- Có phương pháp, kỹ năng hoạt động khuyến nông, có kỹ năng làm việc nhóm phù hợp với vị trí việc làm.
- Có kinh nghiệm và hiểu biết về tình hình sản xuất nông nghiệp ở địa phương.
- Đã chủ trì, chủ nhiệm hoặc tham gia dự án, nhiệm vụ khuyến nông cấp trung ương, địa phương hoặc đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp huyện.
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm".

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản hoặc chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khuyến nông.

4. Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khuyến nông viên chính: phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp khuyến nông viên hoặc tương đương từ đủ 9 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Khuyến nông viên
- Mã số: V.03.09.26

1. Nhiệm vụ

- Xây dựng hoặc tham gia xây dựng các văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật về khuyến nông; báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động khuyến nông.
- Tham gia biên tập, xây dựng chương trình, tài liệu hướng dẫn về khuyến nông.
- Chủ trì hoặc tham gia triển khai thực hiện các dự án, kế hoạch, nhiệm vụ về khuyến nông (đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình, tư vấn và dịch vụ về khuyến nông).
- Tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về khuyến nông.
- Tham gia kiểm tra, đánh giá hoạt động về khuyến nông.
- Theo dõi, phụ trách hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo địa bàn, lĩnh vực được phân công.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo đơn vị phân công theo quy định pháp luật.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về khuyến nông.
- Nắm vững các kiến thức cơ bản về khuyến nông, có kỹ năng làm việc nhóm và phương pháp hoạt động khuyến nông phù hợp với vị trí việc làm.
- Nắm vững tình hình sản xuất nông nghiệp ở địa phương.
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm".

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản hoặc chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khuyến nông.



Khuyến nông viên - Mã số: V.03.09.26



Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khuyến nông viên phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên khuyến nông hoặc tương đương cụ thể như sau:

Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo cao đẳng phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên khuyến nông hoặc tương đương từ đủ 2 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo trung cấp phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên khuyến nông hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Kỹ thuật viên khuyến nông - Mã số: V.03.09.27

1. Nhiệm vụ

- Trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân.
- Tổng hợp số liệu phục vụ xây dựng văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật về khuyến nông; báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động về khuyến nông.
- Theo dõi, tổng hợp số liệu thực hiện chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông.
- Thực hiện hoặc tham gia thực hiện các công việc cụ thể của dự án, kế hoạch, nhiệm vụ về khuyến nông (đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình, tư vấn và dịch vụ về khuyến nông).
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo đơn vị phân công theo quy định pháp luật.



2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực khuyến nông.
- Nắm được tình hình sản xuất nông nghiệp ở địa phương.
- Nắm được các kiến thức cơ bản về khuyến nông, có phương pháp, kỹ năng hoạt động khuyến nông phù hợp với vị trí việc làm.
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản hoặc chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khuyến nông.

Tổ khuyến nông cộng đồng

Trên cơ sở các Tổ KNCĐ đã được thành lập và hoạt động trong giai đoạn 2022 - 2025, UBND cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan tiến hành rà soát, đánh giá và củng cố, kiện toàn Tổ KNCĐ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tổ KNCĐ là tổ chức khuyến nông tự nguyện có vai trò kết nối, vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia hoạt động khuyến nông và thúc đẩy xã hội hoá khuyến nông tại địa phương.
- Nhân sự tham gia Tổ KNCĐ phải là những người có tâm huyết, trách nhiệm, năng động, sáng tạo, chủ động tìm kiếm cơ hội và kết nối thị trường. Trong đó cán bộ khuyến nông xã là nòng cốt, giữ vai trò điều phối hoạt động và liên kết các thành viên tham gia.
- Các hoạt động của Tổ KNCĐ phải gắn với hợp tác xã, doanh nghiệp, xây dựng vùng nguyên liệu, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị sản phẩm.
- Chính quyền địa phương quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để Tổ KNCĐ hoạt động. UBND cấp xã phân công 1 đồng chí lãnh đạo phụ trách lĩnh vực khuyến nông, khuyến nông cộng đồng để chỉ đạo, điều phối hoạt động.



Cộng tác viên khuyến nông

- Các tỉnh có diện tích rộng, thuộc địa bàn trung du, miền núi thì nên duy trì đội ngũ cộng tác viên khuyến nông.
- Cộng tác viên khuyến nông là các trưởng thôn, bản, cán bộ phong trào, đoàn thể để phục vụ công tác khuyến nông và phòng chống thiên tai, dịch bệnh ở địa phương.
- Đây cũng là đội ngũ quan trọng để nắm bắt nhu cầu, khó khăn, vướng mắc của người dân và phản ánh kịp thời tới chính quyền địa phương các cấp.



3.3. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG

Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp công tác khuyến nông, cơ chế chính sách hoạt động khuyến nông, tiêu chuẩn, định mức và chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, Tổ KNCĐ.

Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, tổ Khuyến nông cộng đồng.

UBND cấp xã

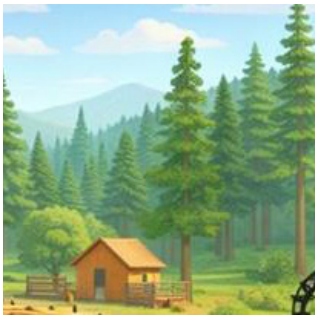
Bố trí địa điểm, hỗ trợ trang thiết bị làm việc, có chế độ khen thưởng, động viên, vinh danh các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong hoạt động khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

Phần IV

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG CẤP TỈNH, CẤP XÃ







4.1. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG CẤP TỈNH

Chức năng

Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh có chức năng tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn cấp tỉnh và hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông theo quy định của pháp luật.

Đối với cấp tỉnh, thực hiện thống nhất mô hình Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, trong đó Trung tâm khuyến nông cấp tỉnh tập trung làm nhiệm vụ hướng dẫn, triển khai, điều phối, đôn đốc, kiểm tra và hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông.

Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông;
2. Xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;
3. Hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, hỗ trợ công tác khuyến nông xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng;
4. Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, thông tin tuyên truyền, diễn đàn, toạ đàm, hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, tham quan học tập nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, nông dân, người sản xuất;
5. Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với từng địa phương và định hướng phát triển của Ngành; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình, điển hình sản xuất ra diện rộng; hướng dẫn,

hỗ trợ xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu đạt chuẩn; chuyển đổi số trong hoạt động khyến nông tại địa phương;

6. Tổ chức thực hiện và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về khuyến nông theo quy định của pháp luật;
7. Tư vấn, dịch vụ, hợp tác quốc tế, hợp tác công tư trong hoạt động khuyến nông theo quy định của pháp luật;
8. Phối hợp thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông trên địa bàn toàn tỉnh;
9. Tham gia công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phòng chống và khắc phục hậu quả sau thiên tai, dịch bệnh và thực hiện các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường tại địa phương;
10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh gồm có:

- Giám đốc, Phó Giám đốc
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ
- Các tổ chức kỹ thuật chuyên ngành tương đương phục vụ công tác khuyến nông.

Căn cứ yêu cầu công tác, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trình UBND cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

4.2. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG CẤP XÃ

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, UBND cấp tỉnh chỉ đạo UBND cấp xã quyết định thành lập theo thẩm quyền 1 đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực (gồm: văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, môi trường, khuyến nông, đô thị...) do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Trường hợp tại UBND cấp xã đã thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thì đề nghị tổ chức lại và bổ sung nhiệm vụ về khuyến nông theo yêu cầu tại Thông báo số 371-TB/VPTW ngày 04/10/2025.

Ủy ban nhân dân cấp xã

- Quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác khuyến nông;
- Không "khoán trắng" công tác khuyến nông cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp xã;
- Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ khuyến nông cộng đồng;
- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ, hướng dẫn nông dân liên kết phát triển sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã

- Có chức năng cung ứng các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu thuộc UBND xã, phường, đặc khu;
- Được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp khuyến nông ở cấp xã đối với các xã, phường, đặc khu có sản xuất nông nghiệp.

Nhiệm vụ và quyền hạn	1. Xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển cộng đồng, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP nhằm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, bảo vệ môi trường tại địa phương để trình UBND xã phê duyệt và tổ chức thực hiện; 2. Định hướng hoạt động khuyến nông cộng đồng, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông doanh nghiệp và hoạt động khuyến nông của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã; 3. Tổ chức, điều hành các hoạt động của đội ngũ cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng để hỗ trợ người dân trên địa bàn xã phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương; 4. Thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tiến bộ khoa học, công nghệ, nhu cầu thị trường, mô hình, điển hình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp; 5. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, dạy nghề cho nông dân; thúc đẩy hình thành các nhóm nông dân khởi nghiệp, nông dân chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo trong SXKD nông nghiệp; nhân rộng, lan toả các mô hình nông dân sản xuất giỏi, nông dân làm kinh tế giỏi, nông dân dạy nông dân; 6. Xây dựng các mô hình trình diễn chuyển giao công nghệ và tư vấn, dịch vụ về sản xuất, bảo quản, chế biến, xúc tiến thị trường, tiêu thụ sản phẩm, hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất tập trung đạt chuẩn; 7. Theo dõi diễn biến tình hình thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, tham gia các nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường tại địa phương; 8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của UBND cấp xã.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền

Kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã; bố trí, sắp xếp viên chức khuyến nông đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

Ban hành cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng; quy chế phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn cấp tỉnh theo phân công.

Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh

Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý và triển khai các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông và khuyến nông cộng đồng.

Ủy ban nhân dân cấp xã

- Quy định nhiệm vụ khuyến nông cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức thực hiện theo quy định;
- Quản lý biên chế viên chức khuyến nông cấp xã theo quy định;
- Củng cố , kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng và lực lượng cộng tác viên khuyến nông trên địa bàn xã.



Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức khuyến nông cấp xã trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

4.3. CƠ CHẾ PHỐI HỢP CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG CÁC CẤP

Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định pháp luật về khuyến nông và quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị được pháp luật quy định.
2. Nội dung nhiệm vụ thuộc phạm vi của cấp nào thì cấp đó chủ trì, chủ động đề xuất, trao đổi với các cơ quan, đơn vị liên quan để cùng phối hợp giải quyết; đảm bảo công việc được xử lý kịp thời, hiệu quả.
3. Tăng cường sự phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn.

Mục đích phối hợp

1. Bảo đảm sự thống nhất trong quản lý, chỉ đạo, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố; phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác khuyến nông; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác khuyến nông phục vụ phát triển nông nghiệp, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.
2. Huy động, phối hợp, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực và tăng cường sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố.

Đơn vị phối hợp

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh;
- Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- UBND các xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã.

- Viên chức khuyến nông;
- Cộng tác viên khuyến nông;
- Tổ khuyến nông cộng đồng

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố.

PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP

- Khi cần phối hợp giải quyết các nhiệm vụ khuyến nông thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hoặc ủy quyền cho Trung tâm Khuyến nông chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với các đơn vị thuộc Sở và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.
- Khi cần phối hợp giải quyết các nhiệm vụ khuyến nông thuộc phạm vi cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.
- Định kỳ hàng quý, Trung tâm Khuyến nông tổ chức họp giao ban với khuyến nông cấp xã để chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và nắm bắt các vấn đề mới phát sinh trong hoạt động khuyến nông.
- Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hoặc ủy quyền cho Trung tâm Khuyến nông chủ trì thành lập các đoàn/tổ công tác để hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông.

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Phối hợp trong công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động khuyến nông

- Triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp và khuyến nông trên địa bàn tỉnh.
- Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh.
- Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông triển khai trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả hoạt động khuyến nông của các tổ chức khuyến nông nhà nước và hoạt động khuyến nông của các tổ chức tư nhân, doanh nghiệp).
- Theo dõi, đánh giá hiệu quả công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh và đề xuất điều chỉnh kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất.

Phối hợp trong công tác triển khai các nhiệm vụ khuyến nông

- Xây dựng các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương trình UBND cấp tỉnh, cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.
- Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, thành viên Hợp tác xã, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng, nông dân... về các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.
- Thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, biên soạn, phát hành tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu khuyến nông.
- Thực hiện mô hình trình diễn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP), hữu cơ, mô hình liên kết chuỗi, tuần hoàn...

- Nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm nghiệm và đánh giá hiệu quả của các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, giải pháp trước khi ứng dụng, chuyển giao vào sản xuất.
- Chuyển giao công nghệ, tổ chức lại sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn phục vụ chế biến, xuất khẩu.

Phối hợp trong công tác triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp và phòng trừ dịch bệnh, khắc phục hậu quả sau thiên tai

- Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp,...) và bảo vệ môi trường của địa phương; hướng dẫn thu gom bao bì vật tư sau sử dụng; quản lý, xử lý phế phẩm, phụ phẩm nông nghiệp.
- Xây dựng và triển khai hệ thống cảnh báo sớm, kiểm dịch và giám sát dịch bệnh, đồng thời đề xuất các giải pháp xử lý khi xảy ra dịch bệnh; theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất (tiến độ sản xuất, cơ cấu giống, thời vụ sản xuất) để điều chỉnh phù hợp.
- Nắm bắt thông tin để hướng dẫn, tuyên truyền các giải pháp phòng, chống, khôi phục sản xuất do thiên tai, thời tiết cực đoan đối với sản xuất nông nghiệp, thủy sản.
- Huy động, điều động cán bộ, viên chức, người lao động của các đơn vị có liên quan tham gia công tác điều tra, phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản khi có yêu cầu, đảm bảo hiệu quả, đúng chức năng nhiệm vụ và quy định hiện hành.

Chia sẻ thông tin

- Thiết lập kênh chia sẻ thông tin về sản xuất, dịch bệnh, tiến bộ kỹ thuật, môi trường, chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn để đảm bảo công tác phối hợp đạt hiệu quả.
- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp, dịch bệnh, dữ liệu thiệt hại và các chỉ số kỹ thuật quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp và hoạt động khuyến nông.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông.
2. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị trực thuộc Sở phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị có liên quan thực hiện công tác khuyến nông tại các địa phương.
3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực khuyến nông trên phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố.

Trung tâm Khuyên nông

1. Tham mưu, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Chủ trì xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.
3. Tham gia triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp, theo dõi, giám sát, phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thuỷ sản, khắc phục hậu quả sau thiên tai, bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo phân công của Sở.
4. Phố i hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố.
5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; điều phối, đôn đốc, hỗ trợ công tác khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.
2. Tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và các chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.
3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản tại cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chia sẻ thông tin về phòng chống dịch bệnh và đề xuất giải pháp hiệu quả, kịp thời. Chủ động giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Bố trí nhân sự viên chức khuyến nông cấp xã đảm bảo đủ số lượng và phân công thực hiện nhiệm vụ khuyến nông cấp xã theo đúng quy định tại Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2. Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về khuyến nông trên địa bàn xã.
3. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc về lĩnh vực khuyến nông, chủ động giải quyết theo thẩm quyền, quy định; hoặc đề xuất, kiến nghị đến cấp thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định (nếu vượt thẩm quyền).

Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã (Khuyến nông xã)

1. Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn khi được cấp có thẩm quyền giao; tuân thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh trong hoạt động khuyến nông.

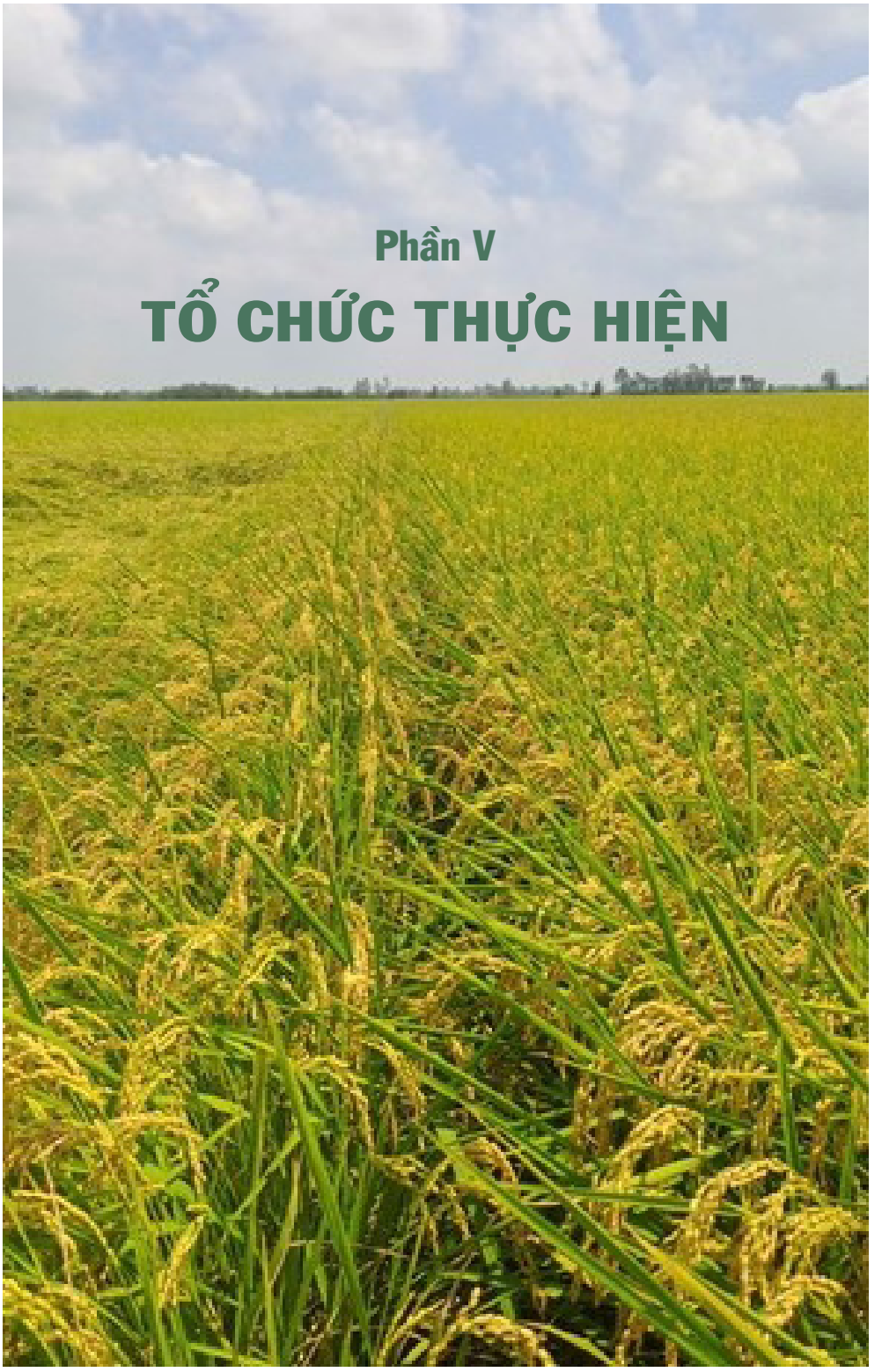
2. Xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông cấp xã hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển cộng đồng, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP nhằm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp tại địa phương để trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, tham gia các nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ môi trường tại địa phương. Kịp thời tháo gỡ, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc báo cáo, đề xuất đến cấp có thẩm quyền (nếu vượt thẩm quyền).

4. Định hướng hoạt động khuyến nông của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn (tổ khuyến nông cộng đồng, hợp tác xã, doanh nghiệp,…) để hỗ trợ người dân trên địa bàn xã phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương; tham gia phòng, chống hàng gian, hàng giả trong sản xuất và lưu thông sản phẩm nông sản trên địa bàn xã.

Chế độ thông tin báo cáo

- Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Khuyến nông xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Khuyến nông về tình hình hoạt động khuyến nông và sản xuất nông nghiệp tại địa phương.
- Trung tâm Khuyến nông tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và gửi các đơn vị thuộc Sở để biết, phối hợp công tác.
- Khi phát hiện có thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và các vấn đề phát sinh tại cơ sở có liên quan, Khuyến nông xã báo cáo ngay với Uỷ ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở có liên quan để xử lý kịp thời.



Phần V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về hoạt động khuyến nông;
2. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến nông trung ương;
3. Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách về xã hội hóa các hoạt động khuyến nông và chính sách hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến nông.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

1. Xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ khuyến nông và môi trường theo phân công của Bộ trưởng.
2. Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, đơn giá, quy trình, hướng dẫn về khuyến nông theo phân công của Bộ trưởng.
3. Lập dự toán, đề xuất phân bổ kinh phí, quản lý, quyết toán kinh phí khuyến nông trung ương, kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn kinh phí khác được giao theo quy định; tham gia xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông theo phân công của Bộ.
4. Đầu mối hướng dẫn các địa phương, đơn vị về chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng; hướng dẫn, chuyển giao các mô hình, giải pháp về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.
5. Quản lý, triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên, nhiệm vụ môi trường sau khi được Bộ trưởng phê duyệt theo quy định hiện hành.
6. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo khuyến nông, nông nghiệp và môi trường:
   - Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo;

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kỹ năng khuyến nông, chính sách, pháp luật, kỹ thuật, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, kinh tế, thị trường, phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khoá, các chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về nông nghiệp và môi trường;
- Cấp chứng nhận bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho các đối tượng tham gia theo quy định.

7. Thông tin, truyền thông khuyến nông, nông nghiệp và môi trường
   - Thông tin, truyền thông về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu;
   - Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, điển hình tiên tiến, mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, hướng dẫn nông dân liên kết sản xuất, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu;
   - Cung cấp thông tin về thị trường, giá cả nông sản và vật tư nông nghiệp; lịch thời vụ; phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp;
   - Tổ chức thực hiện thông tin, truyền thông thông qua các hình thức: báo chí, xuất bản, nền tảng số; hội nghị, hội thảo, diễn đàn, toạ đàm, sự kiện; cuộc thi, giải thưởng; hoạt động truyền thông cộng đồng theo phân công của Bộ và quy định của pháp luật;
   - Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hội, hiệp hội, doanh nghiệp và các tổ chức trong nước, quốc tế triển khai các hoạt động truyền thông nhân rộng các sáng kiến, giải pháp về phát triển nông nghiệp bền vững và bảo vệ môi trường.
8. Xây dựng và nhân rộng mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường:
   - Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu của sản xuất và định hướng phát triển của ngành;

- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình trình diễn, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng;
- Chuyển giao các mô hình, giải pháp về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu;
- Khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng phát triển các mô hình, sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc thúc đẩy chuyển đổi xanh, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

9. Hợp tác quốc tế, hợp tác công tư trong lĩnh vực khuyến nông, nông nghiệp và môi trường theo phân công của Bộ và quy định của pháp luật.
10. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khuyến nông; xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khuyến nông, khuyến nông điện tử; tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin trong hệ thống khuyến nông.
11. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông, nông nghiệp và môi trường:
    - Tư vấn và dịch vụ khuyến nông, nông nghiệp và môi trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật;
    - Dịch vụ, tư vấn phát triển công nghệ nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, xây dựng nông thôn bền vững.
12. Tham gia thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn và các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu theo phân công của Bộ.
13. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá và đề xuất với cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động khuyến nông theo quy định của pháp luật.
14. Thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, đề tài khoa học công nghệ, sản xuất thử nghiệm, khảo nghiệm và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo phân công của Bộ và quy định của pháp luật.

15. Giúp việc Ban chỉ đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long triển khai, đôn đốc các nhiệm vụ điều phối, liên kết vùng và tổ chức các hoạt động khuyến nông vùng để thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, gia tăng giá trị nông sản, nâng cao thu nhập cho nông dân trong vùng.
16. Quản lý và tổ chức thực hiện công tác tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc; thực hiện cải cách hành chính; thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định và chương trình, kế hoạch của Bộ.
17. Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.
18. Thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.
19. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- UBND tỉnh giữ vai trò quản lý nhà nước cao nhất đối với công tác khuyến nông trên địa bàn theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, đồng bộ trong thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn.
- Phê duyệt chiến lược, chương trình, kế hoạch và các dự án khuyến nông cấp tỉnh;
- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phương án kết thúc hoạt động của các trung tâm, trạm khuyến nông khu vực trực thuộc Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh; điều chuyển chức năng, nhiệm vụ và viên chức khuyến nông tại các trung tâm, trạm khuyến nông khu vực về công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu ở cấp xã để thực hiện nhiệm vụ khuyến nông.
- Thực hiện phân bổ và huy động nguồn lực cho công tác khuyến nông; chỉ đạo phối hợp liên ngành, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp; kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả các mô hình khuyến nông nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm gắn với yêu cầu tái cơ cấu ngành.

- Với vai trò điều hành tổng thể, UBND tỉnh bảo đảm công tác khuyến nông được thực hiện thống nhất từ tỉnh đến xã theo nguyên tắc phân cấp, ủy quyền rõ ràng, phù hợp với mô hình quản lý 2 cấp.
- Chỉ đạo UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp thành lập 1 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã để cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong đó có lĩnh vực khuyến nông.

UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến nông trên phạm vi địa phương theo các nội dung sau:

1. Xây dựng và ban hành chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của ngành và điều kiện địa phương.
2. Phê duyệt chương trình khuyến nông địa phương, phê duyệt hoặc phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, cấp xã phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương và chỉ đạo tổ chức thực hiện.
3. Phân công cơ quan trực thuộc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông và quản lý, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán chương trình, kế hoạch khuyến nông địa phương, chương trình, kế hoạch chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện tại địa phương.
4. Quản lý hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện trên địa bàn.
5. Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách khuyến nông và hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông tại địa phương.
6. Huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút nguồn lực cho hoạt động khuyến nông của địa phương.
7. Quản lý kinh phí khuyến nông địa phương.
8. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động khuyến nông trên địa bàn.
9. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại địa phương.

Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã; bố trí, sắp xếp viên chức khuyến nông đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương;
- Ban hành cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng; quy chế phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn cấp tỉnh theo phân công.

Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh

- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý và triển khai các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông và khuyến nông cộng đồng.

Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chính quyền cấp xã quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác khuyến nông, không "khoán trắng" cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp xã; tăng cường tuyên truyền phổ biến kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ, hướng dẫn nông dân liên kết phát triển sản xuất nông nghiệp.
- Quy định nhiệm vụ khuyến nông cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã để tổ chức thực hiện theo quy định;
- Quản lý biên chế viên chức khuyến nông cấp xã theo quy định;
- Củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng và lực lượng cộng tác viên khuyến nông trên địa bàn xã.
- Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức khuyến nông cấp xã trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.





PHỤ LỤC



PHỤ LỤC 1
HỆ THỐNG VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

1.1. Hệ thống văn bản liên quan đến chính quyền địa phương 2 cấp

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;
- Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ: Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ: Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Nghị định 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- **Các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và môi trường về phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, bao gồm:**
- Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;
- Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;
- Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuỷ sản và kiểm ngư;
- Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;
- Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo;
- Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;
- Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo;

- Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;
- Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;
- Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;
- Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã;
- Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi;
- Thông tư số 21/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;
- Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;
- Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; Thông

tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới đơn vị hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp;

- Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam;
- Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi;
- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về phát triển và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản;
- Và các Thông tư khác.

- **Các Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phân quyền, phân cấp, bao gồm:**
- Quyết định số 2266/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thuỷ sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Quyết định số 2308/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định công bố thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2286/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2306/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm thuỷ sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Quyết định số 2302/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thuỷ lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2231/QĐ-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khí tượng thuỷ văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Và các Quyết định khác.

1.2. Hệ thống văn bản liên quan đến hệ thống khuyến nông theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

- Thông báo số 371-TB/VPTW của Ban chấp hành Trung ương Đảng ngày 04/10/2025 về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Bộ Nội vụ về hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến nông ở địa phương khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp;
- Công văn số 145/CV-BCĐ ngày 08/10/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp các đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp về việc kiện toàn hệ thống tổ chức thực hiện nhiệm vụ khuyến nông ở địa phương;
- thành lập đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã;

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;
- Quyết định số 5858/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
- Quyết định số 4296/QĐ-BNNMT ngày 16/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 2166/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy chế quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên; Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Đề án "Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ Khuyến nông cộng đồng";
- Quyết định số 2318/QĐ-BNN-KHCN ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giao nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên thực hiện năm 2025;
- Thông tư số 18/2020/TT BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng;
- Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

- Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;
- Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.
- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã.Điều 1. Khuyến nông và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã.

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG CẤP TỈNH, CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã)

Điều 1. Khuyến nông và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã

1. Khuyến nông là hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, thông tin, truyền bá kiến thức và đào tạo tay nghề cho nông dân trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã;

a) Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp khuyến nông.

Điều 2. Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh

1. Vị trí, chức năng

a) Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ quản lý nhà nước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, có chức năng tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn cấp tỉnh và hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông theo quy định của pháp luật;

b) Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định;

c) Kinh phí hoạt động của Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông;

b) Xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, hỗ trợ công tác khuyến nông xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng;

d) Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, thông tin tuyên truyền, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, tham quan học tập nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, nông dân, người sản xuất;

đ) Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với từng địa phương và định hướng phát triển của Ngành; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình, điển hình sản xuất ra diện rộng; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu đạt chuẩn;

e) Tổ chức thực hiện và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về khuyến nông theo quy định của pháp luật;

g) Tư vấn, dịch vụ, hợp tác quốc tế, hợp tác công tư trong hoạt động khuyến nông theo quy định của pháp luật;

h) Phối hợp thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông trên địa bàn toàn tỉnh;

i) Tham gia công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phòng chống và khắc phục hậu quả sau thiên tai, dịch bệnh và thực hiện các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường tại địa phương;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh gồm có các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các tổ chức kỹ thuật chuyên ngành tương đương

phục vụ công tác khuyến nông. Căn cứ yêu cầu công tác, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

Điều 3. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cung ứng các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp khuyến nông ở cấp xã đối với các xã, phường, đặc khu có sản xuất nông nghiệp.

Kinh phí hoạt động của khuyến nông cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển cộng đồng, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP nhằm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, bảo vệ môi trường tại địa phương để trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định;

b) Định hướng hoạt động khuyến nông cộng đồng, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông doanh nghiệp và hoạt động khuyến nông của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã;

c) Tổ chức, điều hành các hoạt động của đội ngũ cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng để hỗ trợ người dân trên địa bàn xã phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương;

d) Thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tiến bộ khoa học, công nghệ, nhu cầu thị trường, mô hình, điển hình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp;

đ) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, dạy nghề cho nông dân; thúc đẩy hình thành các nhóm nông dân khởi nghiệp, nông dân chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp; nhân rộng, lan

toả các mô hình nông dân sản xuất giỏi, nông dân làm kinh tế giỏi, nông dân dạy nông dân;

e) Xây dựng các mô hình trình diễn chuyển giao công nghệ và tư vấn, dịch vụ về sản xuất, bảo quản, chế biến, xúc tiến thị trường, tiêu thụ sản phẩm, hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất tập trung đạt chuẩn;

g) Theo dõi diễn biến tình hình thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, tham gia các nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường tại địa phương;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Viên chức khuyến nông cấp xã Căn cứ quy mô sản xuất, điều kiện cụ thể của từng địa phương và chỉ tiêu biên chế được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định số lượng viên chức khuyến nông cấp xã cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức khuyến nông cấp xã theo vị trí việc làm và quy định pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền

a) Kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã; bố trí, sắp xếp viên chức khuyến nông đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương;

b) Ban hành cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng; quy chế phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn cấp tỉnh theo phân công.

2. Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý và triển khai các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn;

b) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông và khuyến nông cộng đồng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quy định nhiệm vụ khuyến nông cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức thực hiện theo quy định;

b) Quản lý biên chế viên chức khuyến nông cấp xã theo quy định;

c) Củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng và lực lượng cộng tác viên khuyến nông trên địa bàn xã.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức khuyến nông cấp xã trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

PHỤ LỤC 3

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHUYẾN NÔNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4296/QĐ-BNNMT ngày 16/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

I. QUAN ĐIỂM

1. Khuyến nông giữ vai trò quan trọng trong công tác chuyển giao công nghệ, thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức, đào tạo, tri thức hoá nông dân, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, giảm phát thải, xây dựng nông thôn mới hiện đại, văn minh, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân.

2. Đổi mới toàn diện công tác khuyến nông theo tư duy kinh tế nông nghiệp, lấy nông dân làm chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển, nâng cao năng lực của nông dân và các tác nhân trong chuỗi ngành hàng nông nghiệp; mở rộng nội dung hoạt động từ chuyển giao khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất là chính sang cung cấp thông tin, hướng dẫn kỹ năng, tổ chức sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả.

3. Phát triển khuyến nông theo hướng chuyên nghiệp, trong đó khuyến nông nhà nước giữ vai trò trung tâm, định hướng hoạt động, huy động nguồn lực và kết nối các bên tham gia; đẩy mạnh xã hội hoá và hợp tác công tư, tăng cường sự tham gia của các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan tham gia vào hệ sinh thái khuyến nông.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển khuyến nông theo tư duy kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Phát triển nguồn nhân lực khuyến nông: 100% cán bộ khuyến nông nhà nước được chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp khuyến nông, được đào tạo bồi dưỡng kiến thức về kinh tế, thị trường, chuyển đổi số; 100% cán bộ của hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tổ khuyến nông cộng đồng được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp khuyến nông, tiến bộ kỹ thuật mới và các kiến thức về kinh tế, thị trường, chuyển đổi số phục vụ hoạt động khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

b) Đào tạo nông dân chuyên nghiệp: 100% nông dân tham gia chuỗi liên kết ở các vùng nguyên liệu được đào tạo về quy trình, kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, tổ chức sản xuất và liên kết thị trường.

c) Chuyển giao công nghệ: Các mô hình, dự án khuyến nông tập trung chuyển giao đồng bộ giải pháp, công nghệ tiên tiến, tổ chức sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị, đảm bảo 100% sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; tăng hiệu quả kinh tế trên 15%, giảm chi phí đầu vào trên 10% và được nhân rộng trong các chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực.

d) Khuyến nông giảm nghèo: Trên 70% xã ở vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn xây dựng được mô hình khuyến nông giảm nghèo tạo sinh kế ổn định bền vững cho nông dân nghèo.

đ) Chuyển đổi số hoạt động khuyến nông: 100% mô hình khuyến nông sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý trên hệ thống khuyến nông số; trên 50% lớp tập huấn khuyến nông được triển khai trên nền

tảng khuyến nông số; 100% tài liệu kỹ thuật khuyến nông được số hóa, phổ biến trên hệ thống khuyến nông số; 100% sản phẩm của mô hình, dự án khuyến nông được giới thiệu, quảng bá trên các sàn thương mại điện tử hoặc môi trường số.

e) Xã hội hoá hoạt động khuyến nông: 100% tài liệu khuyến nông có sự tham gia biên soạn của các viện, trường, chuyên gia, doanh nghiệp; trên 50% mô hình, dự án khuyến nông có sự huy động nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế cho hoạt động khuyến nông thông qua các chương trình, dự án hợp tác công tư, tài trợ kỹ thuật, dự án liên kết.

3. Tầm nhìn đến năm 2050 Xây dựng hệ thống khuyến nông chuyên nghiệp, hiện đại, thông minh, đủ năng lực kết nối, dẫn dắt, lan tỏa tri thức và giá trị trong hệ sinh thái nông nghiệp. Nông dân được tiếp cận hiệu quả với dịch vụ khuyến nông thông qua nền tảng số tích hợp và đội ngũ cán bộ khuyến nông chuyên nghiệp, trình độ cao. Phát triển hệ sinh thái khuyến nông hợp tác công tư năng động, kết nối chặt chẽ với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thị trường và nguồn lực tài chính, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển nông nghiệp tăng trưởng xanh, phát thải thấp, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển khuyến nông

a) Rà soát, đề xuất xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan về phát triển khuyến nông.

b) Xây dựng chính sách xã hội hóa, hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển các hoạt động khuyến nông.

2. Phát triển nguồn nhân lực khuyến nông

a) Hoàn thiện hệ thống khuyến nông nhà nước phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp, thống nhất về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp nhằm phát huy hiệu quả hoạt động. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khuyến nông để làm tốt vai trò, nhiệm vụ khuyến nông nhà nước, huy động

nguồn lực, kết nối các bên tham gia phục vụ cho các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, chiến lược về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

b) Củng cố lực lượng khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng để đồng hành với nông dân, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển cộng đồng, xây dựng nông thôn mới và tiếp nhận thông tin phản hồi từ thực tiễn sản xuất.

c) Phát triển lực lượng cộng tác viên khuyến nông ở các hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tăng cường năng lực cho lực lượng cộng tác viên này về phương pháp khuyến nông, tiến bộ kỹ thuật mới và các kiến thức về kinh tế, thị trường, chuyển đổi số để phục vụ hoạt động khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

d) Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các chuyên gia, nhà khoa học, nghệ nhân, nông dân giỏi tham gia hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, từng bước xây dựng đội ngũ "chuyên gia tư vấn khuyến nông" chuyên nghiệp.

đ) Bổ sung chuyên ngành khuyến nông vào chương trình đào tạo các ngành, lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

e) Xây dựng cơ chế chính sách tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng. Xây dựng đội ngũ cán bộ khuyến nông chuyên nghiệp, tâm huyết, có trình độ cao, am hiểu công nghệ và thị trường; nâng cao năng lực quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới; tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động khuyến nông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

3. Đào tạo nông dân chuyên nghiệp

a) Đào tạo nông dân về quy trình, kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và các yêu cầu của thị trường để nông dân sản xuất ra các sản phẩm đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, ưu tiên các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn.

b) Hướng dẫn nông dân tổ chức lại sản xuất, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

c) Thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cho nông dân về tư duy kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, tăng trưởng xanh, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Thúc đẩy hình thành các nhóm nông dân khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sản xuất kinh doanhnông nghiệp; nhân rộng, lan toả các mô hình nông dân sản xuất giỏi, nông dân làm kinh tế giỏi, nông dân dạy nông dân.

4. Chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững

a) Xây dựng, triển khai các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trọng điểm phục vụ phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực quốc gia gắn với các vùng nguyên liệu sản xuất tập trung quy mô lớn đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

b) Tăng cường ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ tự động hóa; Tăng cường hoạt động khuyến nông nhằm xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, tuần hoàn, hiệu quả và bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực sản xuất và tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương.

c) Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến, nông nghiệp trải nghiệm, nông nghiệp kết hợp du lịch, nông nghiệp đô thị,... Đánh giá, nhân rộng các mô hình hiệu quả, giới thiệu công nghệ và phương pháp quản lý mới.

5. Khuyến nông giảm nghèo, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Xây dựng các mô hình khuyến nông giảm nghèo ở các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, tăng thu nhập và cải thiện đời sống.

b) Xây dựng các mô hình khuyến nông chuyển giao các biện pháp kỹ thuật canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ nông dân phát triển các sản phẩm đặc sản, bản địa, ngành nghề nông thôn, sản phẩm OCOP gắn với bảo tồn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

d) Xây dựng tài liệu, ấn phẩm và chương trình truyền thông khuyến nông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số và đa dạng hoá các hình thức phát hành nhằm tăng khả năng tiếp cận thông tin cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số.

đ) Nghiên cứu, đề xuất chính sách khuyến nông gắn với chính sách bảo hiểm nông nghiệp nhằm hỗ trợ nông dân giảm thiểu rủi ro, khôi phục sản xuất, đảm bảo an sinh xã hội.

6. Chuyển đổi số trong hoạt động khuyến nông

a) Xây dựng và vận hành nền tảng khuyến nông số phục vụ đào tạo, tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn kỹ thuật, kết nối thị trường, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý và triển khai các mô hình, dự án khuyến nông, số hoá, dữ liệu hoá những kết quả của mô hình và kết nối, giới thiệu, quảng bá sản phẩm của các mô hình, dự án khuyến nông trên các sàn thương mại điện tử và môi trường số.

c) Phát triển đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin cho hệ thống khuyến nông từ trung ương đến cơ sở, bao gồm thiết bị phần cứng, phần mềm, đường truyền, cơ sở dữ liệu và công cụ quản trị phục vụ tư vấn, đào tạo và đánh giá.

d) Đào tạo bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, nông dân chủ chốt, góp phần xây dựng lực lượng nông dân số, nông dân thông minh.

đ) Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, các viện, trường để tích hợp và ứng dụng giải pháp công nghệ mới trong khuyến nông: trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), mô phỏng canh tác, video tương tác, trợ lý ảo hỗ trợ nông dân.

7. Hợp tác quốc tế, hợp tác công tư, xã hội hoá khuyến nông

a) Huy động sự tham gia của các viện, trường, chuyên gia trong đào tạo phát triển nhân lực khuyến nông, nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và phối hợp với hệ thống khuyến nông để chuyển giao vào sản xuất, ưu tiên các vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

b) Tăng cường hợp tác công tư giữa hệ thống khuyến nông với các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc chia sẻ công nghệ, kinh nghiệm, đồng hành triển khai mô hình sản xuất, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

c) Tăng cường thu hút nguồn lực, vận động tài trợ, đề xuất và triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, đối tác song phương và đa phương trong lĩnh vực khuyến nông.

d) Đẩy mạnh hợp tác chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật từ nước ngoài, áp dụng phù hợp vào điều kiện sản xuất tại Việt Nam.

đ) Đa dạng hóa hình thức hợp tác quốc tế; thúc đẩy công nhận, chứng nhận kết quả hoạt động khuyến nông theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao uy tín và hiệu quả.

e) Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy hợp tác quốc tế, hợp tác công tư, xã hội hoá khuyến nông.

IV. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Tăng cường năng lực hệ thống khuyến nông.

2. Đào tạo nông dân chuyên nghiệp.

3. Chuyển giao công nghệ, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực ở các vùng nguyên liệu.

4. Khuyến nông giảm nghèo ở các vùng khó khăn.

5. Phát triển nền tảng khuyến nông số và hạ tầng công nghệ số.

6. Xã hội hoá hoạt động khuyến nông.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Chiến lược, bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) cấp hàng năm theo phân cấp hiện hành.

2. Kinh phí huy động hợp pháp từ các doanh nghiệp, nhà tài trợ, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Kinh phí lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, kế hoạch, dự án khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 4
QUY CHẾ
Phối hợp công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố

(Kèm theo Công văn số 10120/BNNMT-KN ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, mục đích, nguyên tắc, nội dung, phương thức phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Khuyến nông; các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã.

3. Viên chức khuyến nông; cộng tác viên khuyến nông; tổ khuyến nông cộng đồng.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Bảo đảm sự thống nhất trong quản lý, chỉ đạo, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thànhphố; phát huy vai trò chủ động,trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác khuyến nông; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác khuyến nông phục vụ phát triển nông nghiệp, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

2. Huy động, phối hợp, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực và tăng cường sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định pháp luật về khuyến nông và quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị được pháp luật quy định.

2. Nội dung, nhiệm vụ thuộc phạm vi của cơ quan, đơn vị nào thì cơ quan, đơn vị đó chủ trì, chủ động đề xuất với các cơ quan, đơn vị khác để cùng phối hợp giải quyết; đảm bảo công việc được xử lý kịp thời, hiệu quả.

3. Tăng cường sự phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Khi cần phối hợp giải quyết các nhiệm vụ khuyến nông thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hoặc ủy quyền cho Trung tâm Khuyến nông chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với các đơn vị thuộc Sở và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.

2. Khi cần phối hợp giải quyết các nhiệm vụ khuyến nông thuộc phạm vi cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.

3. Định kỳ hàng quý, Trung tâm Khuyến nông tổ chức họp giao ban với khuyến nông cấp xã để chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và nắm bắt các vấn đề mới phát sinh trong hoạt động khuyến nông.

4. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hoặc ủy quyền cho Trung tâm Khuyến nông chủ trì thành lập các đoàn/tổ công tác để hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông.

Chương II
NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp trong công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động khuyến nông

1. Triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp và khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố.

3. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông triển khai trên địa bàn tỉnh, thành phố (bao gồm cả hoạt động khuyến nông của các tổ chức khuyến nông nhà nước và hoạt động khuyến nông của các tổ chức tư nhân, doanh nghiệp).

4. Theo dõi, đánh giá hiệu quả công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố và đề xuất điều chỉnh kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất.

Điều 7. Phối hợp trong công tác triển khai các nhiệm vụ khuyến nông

1. Xây dựng các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, thành viên Hợp tác xã, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng, nông dân… về các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

3. Thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, tổ chức sự kiện, biên soạn, phát hành tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu khuyến nông.

4. Xây dựng mô hình trình diễn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP), hữu cơ, mô hình liên kết chuỗi, tuần hoàn…

5. Nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm nghiệm và đánh giá hiệu quả của các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, giải pháp trước khi ứng dụng, chuyển giao vào sản xuất.

6. Chuyển giao công nghệ, tổ chức lại sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn phục vụ chế biến, xuất khẩu.

Điều 8. Phối hợp trong công tác triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp và phòng trừ dịch bệnh, khắc phục hậu quả sau thiên tai

1. Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp,…), xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới của địa phương; theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất (tiến độ sản xuất, cơ cấu giống, thời vụ sản xuất) và giám sát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thuỷ sản, đề xuất các giải pháp xử lý khi xảy ra dịch bệnh.

2. Nắm bắt thông tin để hướng dẫn, tuyên truyền các giải pháp phòng, chống, khôi phục sản xuất do thiên tai, thời tiết cực đoan đối với sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

3. Huy động, điều động cán bộ, viên chức, người lao động của các đơn vị có liên quan tham gia công tác điều tra, phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản khi có yêu cầu, đảm bảo hiệu quả, đúng chức năng nhiệm vụ và quy định hiện hành.

Điều 9. Chia sẻ thông tin

1. Thiết lập kênh chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị về chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hoạt động khuyến nông, sản xuất, dịch bệnh, môi trường để đảm bảo công tác phối hợp đạt hiệu quả.

2. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp, dịch bệnh và các chỉ số kỹ thuật quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp và hoạt động.

Chương II
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 10. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông.

2. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị trực thuộc Sở phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị có liên quan thực hiện công tác khuyến nông tại các địa phương.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực khuyến nông trên phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố.

Điều 11. Trung tâm Khuyến nông

1. Tham mưu, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chủ trì xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Tham gia triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp, theo dõi, giám sát, phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thuỷ sản, khắc phục hậu quả sau thiên tai, bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo phân công của Sở.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; điều phối, đôn đốc, hỗ trợ công tác khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

Điều 12. Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.

2. Tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và các chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp,... Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản tại cơ sở theo chức năng, nhiệm

vụ được giao; chia sẻ thông tin về phòng chống dịch bệnh và đề xuất giải pháp hiệu quả, kịp thời. Chủ động giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực quản lý.

Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Bố trí nhân sự viên chức khuyến nông cấp xã đảm bảo đủ số lượng và phân công thực hiện nhiệm vụ khuyến nông cấp xã theo đúng quy định tại Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về khuyến nông trên địa bàn xã.

3. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc về lĩnh vực khuyến nông, chủ động giải quyết theo thẩm quyền, quy định; hoặc đề xuất, kiến nghị đến cấp thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định (nếu vượt thẩm quyền).

Điều 14. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã (Khuyến nông xã)

1. Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn khi được cấp có thẩm quyền giao; tuân thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh trong hoạt động khuyến nông.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông cấp xã hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển cộng đồng, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP nhằm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp tại địa phương để trình Uỷ ban nhân dân xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, tham gia các nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ môi trường tại địa phương. Kịp thời tháo gỡ, xử lý các khó khăn, vướng

mắc phát sinh hoặc báo cáo, đề xuất đến cấp có thẩm quyền (nếu vượt thẩm quyền).

4. Định hướng hoạt động khuyến nông của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn (tổ khuyến nông cộng đồng, hợp tác xã, doanh nghiệp,…) để hỗ trợ người dân trên địa bàn xã phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương; tham gia phòng, chống hàng gian, hàng giả trong sản xuất và lưu thông sản phẩm nông sản trên địa bàn xã.

CHƯƠNG IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ thông tin báo cáo

1. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Khuyến nông xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Khuyến nông về tình hình hoạt động khuyến nông và sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

2. Trung tâm Khuyến nông tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và gửi các đơn vị thuộc Sở để biết, phối hợp công tác.

3. Khi phát hiện có thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và các vấn đề phát sinh tại cơ sở có liên quan, Khuyến nông xã báo cáo ngay với Uỷ ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở có liên quan để xử lý kịp thời.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông, các đơn vị thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đúng các nội dung tại Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi Quy chế, các địa phương, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Trung tâm Khuyến nông), Ủy ban nhân dân cấp xã để chủ động xem xét, giải quyết, hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền./.

Tài liệu thuộc bản quyền của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia,
Mọi thông tin xin liên hệ trực tiếp đến Trung tâm Khuyến nông Quốc gia,

Địa chỉ: Số 16 Thuỵ Khuê, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02437.282485 - 02437.715294

Website: www.https://khuyennongvn.gov.vn/

Mã QR hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động Khuyến nông:



TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG THEO MÔ HÌNH TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: NGUYỄN MẠNH HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng Biên tập: TS. LÊ LÂN

Biên tập và sửa bản in:
ĐINH VĂN THÀNH - TRẦN HỮU NGUYÊN BẢO
THẠCH KIM TUYẾT

Trình bày, bìa: VŨ THỊ THÚY HÀ

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
Số 6 ngõ 167 Phương Mai - Đống Đa - TP. Hà Nội
ĐT: (024) 38523887, (024) 38521940 - Fax: 024.35760748
Website: http://www.nxbnongnghiep.vn
E-mail: nxbnn1@gmail.com

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
58 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Quận I - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 38299521, 38297157 - Fax: (028) 39101036

Đối tác liên kết: Công ty TNHH Sản xuất, thương mại dịch vụ và công nghệ Duy Anh
Địa chỉ: Số 134, Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, Tp. Hà Nội

In 800 bản khổ 17 × 25 cm tại Công ty TNHH Sản xuất, thương mại dịch vụ và công nghệ Duy Anh. Địa chỉ: Số 134, Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, Tp. Hà Nội
Đăng ký KHXB số 5598-2025/CXBIPH/4-108/NN ngày 25/12/2025
Quyết định XB số: 88/QĐ-NXBNN ngày 29/12/2025
ISBN: 978-604-60-4223-5
In xong và nộp lưu chiểu quý I/2026.